

Số: 35/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 2004

Địa chỉ: Khu dân cư BH, Thôn HY, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Chu Ngọc T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn HY, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị H và anh Chu Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Chu Ngọc T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung là cháu Chu Anh T1, sinh ngày 29/11/2024. Anh, chị thỏa thuận giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T1 là 2.200.000 đồng/tháng, thời hạn đóng góp kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh T không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm đóng góp tương ứng với thời gian chậm đóng góp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Vũ Thị H tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Cộng bằng 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000194 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV1- Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TL
- (GCNKH số 27/2024 ngày 27/04/2024);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý